

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐHSP NGHỆ THUẬT TW

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2191/QĐ-ĐHSPNTTW

Hà Nội, ngày 08 tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chương trình đào tạo
ngành Piano trình độ đại học của Trường ĐHSP Nghệ thuật TW
theo Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐHSP NGHỆ THUẬT TW

Căn cứ Quyết định số 117/QĐ-TTg ngày 26/5/2006 của Thủ tướng Chính phủ
v/v thành lập Trường ĐHSP Nghệ thuật TW;

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ
tướng Chính phủ về việc phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ Giáo dục và
Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và
Đào tạo về việc ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm
định và ban hành chương trình chương trình đào tạo các trình độ của Giáo dục đại
học;

Căn cứ Nghị quyết số 27/NQ-HĐT ngày 27/10/2022 của Hội đồng Trường
ĐHSP Nghệ thuật TW về việc ban hành quy chế Tổ chức và hoạt động Trường ĐHSP
Nghệ thuật TW và Nghị quyết số 08/NQ-ĐHSPNTTW-HĐT ngày 05/6/2023 về việc
sửa đổi, bổ sung Quy chế Tổ chức và hoạt động Trường ĐHSP Nghệ thuật TW;

Căn cứ Kết luận của Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo ngành Piano
trình độ đại học;

Căn cứ đề nghị của Hội đồng Khoa học và Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành chương trình đào tạo ngành Piano trình độ đại học của
Trường ĐHSP Nghệ thuật TW theo Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT.

(Chương trình đào tạo kèm theo quyết định này)

Điều 2. Chương trình đào tạo tại Điều 1 áp dụng cho các khóa tuyển sinh từ
năm 2023.

Điều 3. Các ông/bà Trưởng phòng Đào tạo, các phòng chức năng, các đơn vị
hữu quan của Trường ĐHSP Nghệ thuật Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định
này./

Nơi nhận:

- HĐT (để bc);
- Ban Giám hiệu (để bc);
- Các đơn vị liên quan;
- Lưu VT; DT (06).

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG PHỤ TRÁCH
ĐẠI HỌC
SƯ PHẠM
NGHỆ THUẬT
TRUNG ƯƠNG
PGS. TS. Lê Vinh Hưng

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Ngành: PIANO

Mã số: 7210208

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

- Tên ngành đào tạo: Piano

- Mã số ngành đào tạo: 7210208

- Trình độ đào tạo: Đại học

- Thời gian đào tạo: 04 năm

- Tên văn bằng sau tốt nghiệp:

+ Tiếng Việt: Cử nhân Piano

+ Tiếng Anh: Piano

- Đơn vị đào tạo: Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương

- Căn cứ pháp lý xây dựng chương trình đào tạo:

+ Căn cứ Thông tư 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 06 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học;

+ Căn cứ Thông tư 17/2017/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo

+ Căn cứ Quyết định số 1364/QĐ-ĐHSPNTTW ngày 29 tháng 9 năm 2021 về việc ban hành Hướng dẫn xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học của Trường ĐHSP Nghệ thuật Trung ương;

+ Căn cứ Khung trình độ Quốc gia Việt Nam

PHẦN II: MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Mục tiêu chung

Đào tạo Cử nhân ngành piano có kiến thức toàn diện ở trình độ đại học, có kỹ năng sư phạm piano, kỹ năng đệm, hòa tấu thính phòng, thị tấu và bản lĩnh sân khấu vững vàng. Sau khi tốt nghiệp ngành Piano, người học có thể đảm nhiệm công việc chuyên môn tại các đơn vị nghệ thuật và tham gia các hoạt động âm nhạc khác như: biểu diễn độc lập, hòa tấu trong các dàn nhạc giao hưởng, các dàn hợp xướng, có thể làm công tác nghiên cứu, giảng dạy ở các cơ sở đào tạo và viện nghiên cứu thuộc lĩnh vực âm nhạc, nghệ thuật. Đồng thời, có thể học tiếp lên bậc cao hơn hoặc tự học để nâng cao năng lực làm việc.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Kiến thức

Vận dụng được khối kiến thức chung trong giải quyết các vấn đề của cuộc sống, học tập và lao động nghề nghiệp. Có kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực biểu diễn, giảng dạy Piano và giáo dục âm nhạc, có năng lực sư phạm để giải quyết nhiệm vụ giáo dục nghệ thuật, đáp ứng được yêu cầu của sự nghiệp đổi mới giáo dục, đào tạo trong xu thế hội nhập. Người học lĩnh hội kiến thức về chuyên môn và nghiệp vụ và kiến thức về các nghiệp vụ hỗ trợ như: Khối kiến thức chung; Khối kiến thức cơ bản chung của nhóm ngành; Khối kiến thức cơ sở ngành; Khối kiến thức chuyên ngành; Khối kiến thức thực tập và tốt nghiệp; Kiến thức tốt nghiệp... Nhằm tích lũy kiến thức nền tảng giáo dục âm nhạc, Vận dụng các kiến thức cơ bản của nhóm ngành trên cơ sở đó vận dụng vào học tập, biểu diễn, nghiên cứu khoa học, giáo dục âm nhạc, giảng dạy ở các cơ sở đào tạo nghệ thuật; cung cấp nguồn diễn viên cho các đoàn nghệ thuật, các trung tâm văn hóa; có khả năng quản lý hoạt động nghệ thuật chuyên và không chuyên. Có khả năng quản lý công tác dạy học môn chuyên ngành và Âm nhạc ở các trường chuyên nghiệp và cơ quan quản lý giáo dục.

Có thể áp dụng các khối kiến thức cơ sở ngành trong hoạt động biểu diễn, và tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp và bán chuyên nghiệp.

Sử dụng được kiến thức cơ bản toàn diện, phấn đấu để trở thành một ca sĩ chuyên nghiệp, có tố chất của một người giảng viên giảng dạy chuyên ngành Piano, có năng lực tổ chức các hoạt động biểu diễn nghệ thuật.

2.2. Kỹ năng

Hình thành năng lực thực hành cơ bản và phương pháp theo yêu cầu của chương trình đào tạo đại học Piano. Biết xây dựng kế hoạch giảng dạy, tổ chức quản lý hoạt động nghệ thuật chuyên và không chuyên. Phát hiện và bồi dưỡng, đào tạo, phát triển cho những nhân tố có năng khiếu âm nhạc,. Cập nhật kiến thức, tổng hợp tài liệu, xây dựng nguồn tài liệu tham khảo. đáp ứng nhu cầu đổi mới của toàn xã hội. Có khả năng thành lập nhóm, xây dựng và triển khai kế hoạch làm việc của nhóm, chấp nhận sự khác biệt vì mục tiêu chung. Thay đổi nhóm để thích ứng với hoàn cảnh.

PHẦN III. CHUẨN ĐẦU VÀO VÀ THÔNG TIN TUYỂN SINH

1. Chuẩn đầu vào:

- Thí sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương theo quy định của Bộ GD&ĐT.
- Có năng khiếu âm nhạc. Có trình độ Piano cơ bản.
- Có trình độ âm nhạc phổ thông.
- Có đủ sức khỏe để học tập và làm việc;
- Không trong thời gian bị truy tố hoặc thi hành án hình sự.

2. Thông tin tuyển sinh

- Đối tượng tuyển sinh:

+ Có trình độ trung cấp Piano hoặc tương đương.

- Hình thức tuyển sinh: Tổ chức thi tuyển và xét tuyển theo quy định của Bộ GD và ĐT và theo đề án tuyển sinh riêng của Trường ĐHSP Nghệ thuật TW. Theo tổ hợp môn:

+ Ngữ văn

+ Kiến thức Âm nhạc tổng hợp – Xướng âm

+ Piano

- Dự kiến qui mô tuyển sinh: theo chỉ tiêu hàng năm của Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương (khoảng 50 sinh viên/năm).

3. Thời gian thiết kế/điều chỉnh chương trình đào tạo: 2023

PHẦN IV: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Mã CDR	Chi tiết
CDR - Kiến thức	
KT1	<i>Khối kiến thức chung:</i> Hiểu biết và có khả năng vận dụng kiến thức cơ bản về lý luận chính trị vào phân tích và giải quyết các vấn đề trong thực tiễn cuộc sống; làm cơ sở cho nền tảng tư tưởng, phục vụ cho hoạt động nghiên cứu và thực hành khối kiến thức chuyên ngành. Hiểu biết và có khả năng vận dụng kiến thức cơ bản về pháp luật đại cương, giáo dục thể chất để giải quyết các vấn đề trong cuộc sống, học tập và lao động nghề nghiệp.
KT2	<i>Khối kiến thức cơ bản chung của nhóm ngành:</i> _ Vận dụng các kiến thức về quá trình hình thành, phát triển của lịch sử văn minh thế giới, nghệ thuật học, mỹ học, phương pháp nghiên cứu khoa học trong học tập, biểu diễn, nghiên cứu và giảng dạy Piano. _ Vận dụng các kiến thức về quá trình lịch sử và các thành tố của văn hóa Việt Nam trong học tập, biểu diễn, nghiên cứu giảng dạy Piano.
KT3	<i>Khối kiến thức cơ sở ngành</i> _ Nắm vững kiến thức khoa học cơ bản về Âm nhạc ở trình độ Đại học để vận dụng vào học tập, nghiên cứu khoa học giáo dục Âm nhạc và khả năng quản lý

	công tác dạy học môn chuyên ngành và Âm nhạc ở các trường chuyên nghiệp và cơ quan quản lý giáo dục. _ Có thể áp dụng các khối kiến thức cơ sở ngành trong hoạt động biểu diễn, và tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp và bán chuyên nghiệp. _ Vận dụng các kiến thức về lí luận dạy học nói chung, phương pháp dạy học Piano nói riêng vào quá trình giáo dục định hướng thẩm mỹ âm nhạc, có khả năng sử dụng thành thạo các phương tiện, công nghệ hiện đại trong dạy học. _ Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng về quy trình xây dựng và sử dụng các phương pháp đánh giá khách quan thành tích học tập của học sinh. _ Hình thành thế giới quan, nhân sinh quan, lý tưởng nghề nghiệp, thị hiếu thẩm mỹ âm nhạc thông qua các chương trình biểu diễn nghệ thuật từ đó góp phần định hướng trong việc hoàn thiện nhân cách theo xu thế tích cực
KT4	<i>Khối kiến thức chuyên ngành</i> _ Sử dụng được kiến thức, kỹ năng cơ bản toàn diện để nâng cao và hoàn thiện về kỹ thuật xử lý tác phẩm, phân tích cấu trúc tác phẩm, tốc độ, tính chất của tác phẩm, tìm hiểu và phân tích nội dung tác phẩm. - Vận dụng được những hiểu biết cơ bản của nghệ thuật biểu diễn đàn Piano và giảng dạy Piano; Nắm được phương pháp nghiên cứu quá trình luyện tập, biểu diễn môn chuyên ngành. Có năng lực biểu diễn độc tấu, hòa tấu, đệm Piano... - Nâng cao về biểu hiện nghệ thuật trong tác phẩm, nâng cao phong cách biểu diễn tác phẩm với các kỹ thuật Piano đã học, nghiên cứu nội dung tác phẩm, rèn luyện khả năng sáng tạo trong biểu diễn.

	- Hoàn thiện xử lý sắc thái tình cảm một cách thuần thực, kỹ thuật nhuần nhuyễn qua các tác phẩm Piano với các phong cách khác nhau, cách thể hiện biểu diễn sâu khấu với sự sáng tạo của từng cá nhân
KT5	<i>Khởi kiến thức thực tập và tốt nghiệp</i> - Hiểu được đặc điểm lợi thế và nhược điểm trong khả năng biểu diễn của bản thân để có phương pháp rèn luyện phù hợp nhằm phát huy đối đa sở trường và hạn chế yếu điểm trong hoạt động biểu diễn từ đó định hình hướng phát triển về nghệ thuật của bản thân dựa trên sự tư vấn, hướng dẫn, giúp đỡ của các thầy cô tham gia giảng dạy - Biết cách xây dựng kế hoạch luyện tập và biểu diễn phù hợp với khả năng bản thân, đối tác tham gia và tính chất của từng chương trình biểu diễn. - Tích cực trong mọi hoạt động biểu diễn và học tập nâng cao năng lực chuyên môn của cá nhân và tập thể. - Vận dụng các kiến thức về lí luận dạy học nói chung vào quá trình dạy học - Lựa chọn, vận dụng được các phương pháp, phương tiện phù hợp mục tiêu, nội dung dạy học, đối tượng, hình thức tổ chức dạy học một cách hiệu quả nhất. - Vận dụng những hiểu biết về một số vấn đề chuyên sâu của nghệ thuật âm nhạc Việt Nam, các nước trong khu vực và thế giới vào học tập, nghiên cứu; đáp ứng yêu cầu dạy học môn chuyên ngành. - Hiểu và vận dụng được qui trình thực hiện chương trình biểu diễn tốt nghiệp, biết cách lập kế hoạch và khai thác các điều kiện học tập để hoàn thành tốt kỳ thi tốt nghiệp. - Vận dụng được phương pháp biểu diễn, nghiên cứu và giảng dạy môn chuyên ngành trong thực tiễn nghề nghiệp.

CDR – Kỹ năng	
KN1	Kỹ năng cứng 1.Kỹ năng nghề nghiệp: Thành thực các kỹ năng nghề nghiệp hiểu và vận dụng được các kiến thức âm nhạc. Giọng hát đạt được kỹ thuật thanh nhạc để trình diễn được các thể loại như: ca khúc nghệ thuật, nhạc kịch cổ điển. 2. Kỹ năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề: - Có kỹ năng sắp xếp, tìm kiếm, thu thập, phân tích, tổng hợp thông tin và xây dựng báo cáo, giải quyết các vấn đề theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam góp phần xây dựng nền tảng đạo đức con người mới. - Chuẩn hoá khả năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề: Phát hiện vấn đề nghiên cứu, phân tích và đề xuất được giải pháp phù hợp với thực tiễn nghề nghiệp. 3. Kỹ năng nghiên cứu và khám phá kiến thức. Chuẩn hoá khả năng nghiên cứu và khám phá kiến thức: Cập nhật kiến thức, tổng hợp tài liệu, xây dựng nguồn tài liệu tham khảo, hỗ trợ cho chuyên ngành. 4. Kỹ năng xây dựng mục tiêu, lập kế hoạch dạy học, giáo dục 5. Kỹ năng tổ chức và triển khai kế hoạch dạy học, giáo dục 6. Kỹ năng đánh giá kết quả học tập của người học, đánh giá cải tiến việc dạy học, giáo dục: 7. Kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, phát triển chuyên môn, nghề nghiệp
KN2	Kỹ năng mềm 1. Các kỹ năng cá nhân: Thành thực các kỹ năng cá nhân, thu thập và tổng hợp tài liệu, quản lý thời gian, thích ứng với sự thay đổi.

	2. Phối hợp làm việc theo nhóm: : Xây dựng và triển khai kế hoạch làm việc của nhóm, chấp nhận sự khác biệt vì mục tiêu chung. Thay đổi nhóm để thích ứng với hoàn cảnh. 3. Kỹ năng giao tiếp 4. Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ, tin học
KN3	<i>Kĩ năng giao tiếp:</i> 1. Thực hiện thuyết trình, giao tiếp giữa các cá nhân, nhóm. 2. Phối hợp tổ chức được các hoạt động xã hội đa dạng, phù hợp đặc điểm lứa tuổi, mục tiêu dạy học, giáo dục.
KN4	<i>Các kỹ năng mềm khác</i> 1. Sử dụng ngoại ngữ: Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam 2. Sử dụng được tin học văn phòng cơ bản và tin học chuyên ngành. Năng lực vận dụng được các kiến thức, kĩ năng vào thực tiễn nghề nghiệp. Sử dụng một số phương pháp, công nghệ cơ bản, hiện đại để tiến hành các công việc chuyên môn về biểu diễn, nghiên cứu và dạy học Âm nhạc. 3. <i>Năng lực sáng tạo, phát triển và dẫn dắt sự thay đổi trong nghề nghiệp::</i> Cập nhật kiến thức, đề xuất các ý tưởng cải tiến việc dạy học môn học, viết và phổ biến các sáng kiến kinh nghiệm cho môn học, hình thành các ý tưởng nghiên cứu hoặc tham gia các đề tài nghiên cứu phù hợp với chuyên môn. 4. Hoạt động xã hội: Tổ chức được các hoạt động xã hội đa dạng, phù hợp đặc điểm lứa tuổi, mục tiêu dạy học, giáo dục.
CDR – Mức tự chủ và trách nhiệm	

TC1	<i>Phẩm chất đạo đức cá nhân:</i> Kiên trì, có ý thức trách nhiệm, phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; tự tin, chủ động, linh hoạt, say mê công việc.
TC2	<i>Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp</i> - Có khả năng tự học tập, tự nghiên cứu, tích lũy kinh nghiệm để tiếp tục học tập cao hơn nhằm nâng cao trình độ lý luận chính trị, trình độ chuyên môn. - Có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp; tôn trọng và chấp hành pháp luật, có ý thức tổ chức kỷ luật; năng động, nhiệt huyết và luôn có tinh thần hợp tác, trách nhiệm với công việc - Có phẩm chất chính trị, đạo đức, bản lĩnh của một nghệ sỹ biểu diễn, một nhà sư phạm - Yêu nghề, yêu hoạt động biểu diễn nghệ thuật và giảng dạy, nhiệt tình trong công tác; - Tác phong chuyên nghiệp, thể hiện tác phong tinh tế của nghệ sỹ biểu diễn và sự chuẩn mực của người giáo viên.
TC3	<i>Phẩm chất đạo đức xã hội</i> - Có tinh thần dân tộc, hiểu biết về văn hóa dân tộc Việt Nam. - Có ý thức về an ninh quốc phòng toàn dân, thể hiện lập trường vững vàng và sẵn sàng tham gia bảo vệ Tổ quốc.

PHẦN V. VỊ TRÍ VIỆC LÀM CỦA NGƯỜI HỌC SAU KHI TỐT NGHIỆP

Cử nhân Piano có khả năng làm nghệ sỹ độc tấu, giảng viên tại các cơ sở đào tạo Âm nhạc chuyên nghiệp, có khả năng tổ chức, tham gia vào mọi hoạt động biểu diễn chuyên nghiệp, bán chuyên của xã hội hay công tác tại các Đoàn Nghệ thuật chuyên nghiệp. Cử nhân Piano của trường ĐHSPPNTTW còn có thể thực hiện công tác nghiên cứu ở tổ chức, cơ quan quản lý giáo dục, các cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu, về lĩnh vực Âm nhạc, Nghệ

thuật học, Lí luận và phương pháp dạy học Âm nhạc, có khả năng tham gia tổ chức, quản lý giảng dạy tại các mô hình trường tư thục Âm nhạc; làm công tác quản lý văn hóa nghệ thuật ở các cơ quan nhà nước, đoàn thể xã hội; làm những công việc liên quan đến những vấn đề khác nhau thuộc khối ngành nghệ thuật.

PHẦN VI. KHẢ NĂNG HỌC TẬP, NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ CỦA NGƯỜI HỌC SAU KHI TỐT NGHIỆP

- Có năng lực để tham gia học lên trình độ thạc sĩ và tiến sĩ.
- Có khả năng tự học hỏi và nghiên cứu, tìm hiểu trong môi trường làm việc để nâng cao trình độ kiến thức chuyên môn nghề nghiệp, kỹ năng tổ chức hoạt động nghề nghiệp, đáp ứng đòi hỏi trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

PHẦN VII: MA TRẬN CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Các học phần trong Chương trình đào tạo	CHUẨN ĐẦU RA											
	Kiến thức					Kỹ năng				Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
	Từ 1 đến 5					Từ 1 đến 4				Từ 1 đến 3		
	KT 1	KT 2	KT 3	KT 4	KT 5	KN 1	KN 2	KN 3	KN 4	TC 1	TC 2	TC 3
Khối kiến thức chung												
Triết học Mác - Lênin	3					4					3	
Kinh tế chính trị Mác- Lênin	3					4					3	
Chủ nghĩa xã hội khoa học	3					4					3	
Tư tưởng Hồ Chí Minh	3					4					4	

[illegible]

Các học phần trong Chương trình đào tạo	CHUẨN ĐẦU RA											
	Kiến thức					Kỹ năng				Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
	Từ 1 đến 5					Từ 1 đến 4				Từ 1 đến 3		
	KT 1	KT 2	KT 3	KT 4	KT 5	KN 1	KN 2	KN 3	KN 4	TC 1	TC 2	TC 3
Khối kiến thức cơ bản chung của nhóm ngành												
<i>Các môn học bắt buộc</i>												
Tiếng Anh chuyên ngành	1	2	3			1	2	3	4	1	2	3
Phương pháp nghiên cứu khoa học		2	1			2				1		
Mỹ học												
Cơ sở văn hoá Việt Nam		2				2		3				3
Đường lối văn hóa văn nghệ của Đảng cộng sản VN		2				2		3				3
<i>Các học phần tự chọn</i>												
Đại cương các loại hình nghệ thuật	2	3				2				4	3	4
Kỹ năng khởi nghiệp	1						4	5		1		

Các học phần trong Chương trình đào tạo	CHUẨN ĐẦU RA											
	Kiến thức					Kỹ năng				Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
	Từ 1 đến 5					Từ 1 đến 4				Từ 1 đến 3		
	KT 1	KT 2	KT 3	KT 4	KT 5	KN 1	KN 2	KN 3	KN 4	TC 1	TC 2	TC 3
Lịch sử văn minh thế giới			2		3	2			3	2		
Tâm lý học Nghệ thuật			3				1			1	2	
Khối kiến thức cơ sở ngành Fundemental subjects												
<i>Các môn học bắt buộc</i> <i>Compulsory subjects</i>												
Lịch sử âm nhạc thế giới 1 History of the world music 1	2	3	3			2			5	4	3	4
Lịch sử âm nhạc thế giới 2 History of the world music 2	2	3	3			2				4	3	4
Âm nhạc Việt Nam	2	3	3			2			5	4	3	4

Các học phần trong Chương trình đào tạo	CHUẨN ĐẦU RA											
	Kiến thức					Kỹ năng				Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
	Từ 1 đến 5					Từ 1 đến 4				Từ 1 đến 3		
	KT 1	KT 2	KT 3	KT 4	KT 5	KN 1	KN 2	KN 3	KN 4	TC 1	TC 2	TC 3
Phân tích tác phẩm 1 Music work analysis 1		3	3	3	2	2		2	5	2	3	4
Phân tích tác phẩm 2 Music work analysis 2	3											
Hòa thanh 1 Harmony		3	3	3	2	2		2	5	2	3	4
Ký xướng âm 1 Tonic Sol-fa notation 1	2		3		3	2	5	5		4	3	4
Ký xướng âm 2 Tonic Sol-fa notation 2	2		3		3	2	5	5		4	3	4
Ký xướng âm 3 Tonic Sol-fa notation 3	2		3		3	2	5	5		4	3	4
Lý thuyết âm nhạc 1	2		3	3		2	5		5	4	3	4

[illegible]

Các học phần trong Chương trình đào tạo	CHUẨN ĐẦU RA											
	Kiến thức					Kỹ năng				Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
	Từ 1 đến 5					Từ 1 đến 4				Từ 1 đến 3		
	KT 1	KT 2	KT 3	KT 4	KT 5	KN 1	KN 2	KN 3	KN 4	TC 1	TC 2	TC 3
<i>Các môn học bắt buộc</i> <i>Compulsory subjects</i>												
Piano chuyên ngành 1.1		2	2	2		2	2	2	2		1	
Piano chuyên ngành 1.2		2	2	2		2	2	2	2	1	1	
Piano chuyên ngành 2.1		3	3	3		3	3	3	3	2		
Piano chuyên ngành 2.2		3	3	3		3	3	3	3	2	2	
Piano chuyên ngành 3.1		4	4	4		4	4	4	4		3	
Piano chuyên ngành 3.2		4	4	4		4	4	4	4	2	3	
Piano chuyên ngành 4.1		4	4	4		5	5	5	5		4	
Piano chuyên ngành 4.2		4	4	4		5	5	5	5	4	5	
Đệm thanh nhạc 1		1	1	1		2	2	2	2		1	

Các học phần trong Chương trình đào tạo	CHUẨN ĐẦU RA											
	Kiến thức					Kỹ năng				Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
	Từ 1 đến 5					Từ 1 đến 4				Từ 1 đến 3		
	KT 1	KT 2	KT 3	KT 4	KT 5	KN 1	KN 2	KN 3	KN 4	TC 1	TC 2	TC 3
Đệm thanh nhạc 2		2	2	2		3	3	3	3	2		
Đệm thanh nhạc 3		3	3	3		4	4	4	4		3	
Đệm thanh nhạc 4		4	4	4		5	5	5	5	3	4	
Hòa tấu 1		1	1	1		2	2	2	2		1	
Hòa tấu 2		2	2	2		3	3	3	3	2		
Hòa tấu 3		3	3	3		4	4	4	4		3	
Hòa tấu 4		4	4	4		5	5	5	5	3	4	
Hoà thanh trên đàn 1		4	4	3	2	3	2	2	2	3	3	
Hoà thanh trên đàn 2		4	4	3	2	3	2	2	2	3	3	
<i>Các môn tự chọn</i> <i>Optional subjects</i>												
Kỹ năng nghe		3	4	5	4	5	3	4	2	3	3	
Thực tế sáng tác	3	3				3	2			4	3	4
Phương pháp dạy học Piano		4	4	3	2	3	2	2	2	3	3	
Chuyên đề		4	4	3	2	3	2	2	2	3	3	

Các học phần trong Chương trình đào tạo	CHUẨN ĐẦU RA											
	Kiến thức					Kỹ năng				Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
	Từ 1 đến 5					Từ 1 đến 4				Từ 1 đến 3		
	KT 1	KT 2	KT 3	KT 4	KT 5	KN 1	KN 2	KN 3	KN 4	TC 1	TC 2	TC 3
Khối kiến thức và tốt nghiệp												
<i>Khối kiến thức thực tế, thực tập nghề nghiệp</i> <i>Knowledge for practice</i>												
Thực tập nghề nghiệp 1 Carreer Practice 1		3	3	3	3	3	3	3	2	3	3	
Thực tập nghề nghiệp 2 Carreer Practice 2		3	4	4	4	4	4	4	2	3	3	
Khối kiến thức cuối khóa												
Chương trình biểu diễn tốt nghiệp		3	5	6	4	5	4	4	2	3	3	

PHẦN VIII: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 132 tín chỉ (chưa tính học phần Giáo dục Quốc phòng)

1.1. Khối kiến thức chung: **27 tín chỉ**

1.2. Khối kiến thức cơ bản chung của khối ngành: **16 tín chỉ**

+ *Bắt buộc: 11 tín chỉ*

+ *Tự chọn: 5/9 tín chỉ*

1.3. Khối kiến thức cơ sở ngành: **28 tín chỉ**

+ *Bắt buộc: 24 tín chỉ*

+ *Tự chọn: 4/9 tín chỉ*

1.4. Khối kiến thức chuyên ngành: **41 tín chỉ**

+ *Bắt buộc: 36 tín chỉ*

+ *Tự chọn: 5/9 tín chỉ*

1.5. Khối kiến thức thực tế, thực tập nghề nghiệp: **6 tín chỉ**

1.6. Khối kiến thức cuối khóa: **14 tín chỉ**

II. Khung chương trình đào tạo

Số TT	Mã số	Môn học	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Học phần tiên quyết
				<i>Giảng lý thuyết</i>	<i>Hướng dẫn học tập</i>	<i>Tự học/tự nghiên cứu...</i>	
1	2	3	4	5	6	7	8
I	M1	Khởi kiến thức chung	27				
1	POL2009	Triết học Mác - Lênin	3	39	12	99	Không
2	POL2010	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	26	8	66	Triết học Mác - Lênin
3	POL2011	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	26	8	66	Kinh tế chính trị Mác-Lênin
4	POL2003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	26	8	66	Chủ nghĩa xã hội khoa học
5	POL2013	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	26	8	66	Tư tưởng Hồ Chí Minh
6	INF2001	Tin học cơ bản	2	10	24	66	Không
7	CFL2001	Tiếng Anh 1	4	52	16	132	Không
8	CFL2002	Tiếng Anh 2	3	39	12	99	Tiếng Anh 1
9	PPE2010	Giáo dục thể chất 1	2	4	46	50	Không
10	PPE2011	Giáo dục thể chất 2	3	6	69	75	Giáo dục thể chất 1
11	POL2007	Pháp luật đại cương	2	26	8	66	Không

Số TT	Mã số	Môn học	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Học phần tiên quyết
				<i>Giảng lý thuyết</i>	<i>Hướng dẫn học tập</i>	<i>Tự học/tự nghiên cứu...</i>	
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>
12	GDQP	Giáo dục quốc phòng					
II	M2	Khối kiến thức cơ bản chung của nhóm ngành	16				
II.1		<i>Các môn học bắt buộc</i>	11				
13	CFL2005	Tiếng Anh chuyên ngành	2	26	8	66	Tiếng Anh 2
14	PPE2008	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	26	8	66	Không
15	MUS2002	Mỹ học	2	22	16	62	POL2009
16	CLM2001	Cơ sở văn hoá Việt Nam	3	39	12	99	Không
17	CLM2010	Đường lối văn hóa văn nghệ của Đảng cộng sản Việt Nam	2	26	8	66	Không
II.2		<i>Các học phần tự chọn</i>	5/9				
18	MUS2078	Đại cương các loại hình nghệ thuật General Arts	2	26	8	66	Không

Số TT	Mã số	Môn học	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Học phần tiên quyết
				<i>Giảng lý thuyết</i>	<i>Hướng dẫn học tập</i>	<i>Tự học/tự nghiên cứu...</i>	
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>
19	PPE2030	Kỹ năng khởi nghiệp	3	15	30	90	Không
20	CLM2004	Lịch sử văn minh thế giới History of World civilization	2	26	8	66	Không
21	PPE2004	Tâm lý học nghệ thuật Psychology of Art	2	26	8	66	Không
III	M3	Khối kiến thức cơ sở ngành	28				
III.1		<i>Các học phần bắt buộc</i>	24				
22	MUS2060	Lịch sử âm nhạc thế giới 1 History of the world music 1	2	26	8	66	Không
23	MUS2061	Lịch sử âm nhạc thế giới 2 History of the world music 2	2	26	8	66	Lịch sử âm nhạc thế giới 1
24	MUS2056	Âm nhạc Việt Nam	2	26	8	66	Lịch sử âm nhạc thế giới 2

Số TT	Mã số	Môn học	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Học phần tiên quyết
				<i>Giảng lý thuyết</i>	<i>Hướng dẫn học tập</i>	<i>Tự học/tự nghiên cứu...</i>	
1	2	3	4	5	6	7	8
		Vietnam music					
25	MUS2024	Phân tích tác phẩm 1 Analysis of musical works 1	2	26	8	66	Hòa thanh 1
26	MUS2079	Phân tích tác phẩm 2 Analysis of musical works 2	3	39	12	99	Phân tích tác phẩm 1
27	MUS2062	Hòa thanh 1 Harmony 1	2	26	8	66	Lý thuyết âm nhạc 2
28	MUS2017	Ký xướng âm 1	2	10	40	50	Không
29	MUS2018	Ký xướng âm 2	2	10	40	50	Ký xướng âm 1
30	MUS2019	Ký xướng âm 3	2	10	40	50	Ký xướng âm 2
31	MUS2008	Lý thuyết âm nhạc 1 Music theory 1	3	39	12	99	Không
32	MUS2009	Lý thuyết âm nhạc 2 Music theory 2	2	26	8	66	Lý thuyết âm nhạc 1

Số TT	Mã số	Môn học	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Học phần tiên quyết
				<i>Giảng lý thuyết</i>	<i>Hướng dẫn học tập</i>	<i>Tự học/tự nghiên cứu...</i>	
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>
III.2		<i>Các học phần tự chọn</i>	4/9				
33	MUS2030	Giới thiệu nhạc cụ Introduction to Musical instrument	2	26	8	66	Không
34	PIA2001	Lịch sử nghệ thuật Piano	2	20	8	2	Không
35	PPE2002	Giáo dục học Pedagogics (educators)	3	39	12	99	Tâm lý học
36	MUS2012	Sáng tác Composition	2	26	8	66	Phân tích tác phẩm 1
IV	M4	Khối kiến thức chuyên ngành	41				
IV.1		<i>Các môn học bắt buộc</i>	36				
37	PIA2003*	Piano chuyên ngành 1.1	2	4	26	70	Không
38	*PIA2003	Piano chuyên ngành 1.2	2	4	26	70	Piano chuyên ngành 1.1
39	PIA2004*	Piano chuyên ngành 2.1	2	4	26	70	Piano chuyên ngành 1.2

Số TT	Mã số	Môn học	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Học phần tiên quyết
				<i>Giảng lý thuyết</i>	<i>Hướng dẫn học tập</i>	<i>Tự học/tự nghiên cứu...</i>	
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>
40	*PIA2004	Piano chuyên ngành 2.2	2	4	26	70	Piano chuyên ngành 2.1
41	PIA2005*	Piano chuyên ngành 3.1	2	4	26	70	Piano chuyên ngành 2.2
42	*PIA2005	Piano chuyên ngành 3.2	2	4	26	70	Piano chuyên ngành 3.1
43	PIA2006*	Piano chuyên ngành 4.1	2	4	26	70	Piano chuyên ngành 3.2
44	*PIA2006	Piano chuyên ngành 4.2	2	4	26	70	Piano chuyên ngành 4.1
45	PIA2007*	Đệm thanh nhạc 1	2	4	26	70	Không
46	PIA2008*	Đệm thanh nhạc 2	2	4	26	70	Đệm thanh nhạc 1
47	PIA2009*	Đệm thanh nhạc 3	2	4	26	70	Đệm thanh nhạc 2
48	PIA2010*	Đệm thanh nhạc 4	2	4	26	70	Đệm thanh nhạc 3
49	PIA2011*	Hòa tấu 1	2	4	26	70	Không
50	PIA2012*	Hòa tấu 2	2	4	26	70	Hòa tấu 1
51	PIA2013*	Hòa tấu 3	2	4	26	70	Hòa tấu 2
52	PIA2014*	Hòa tấu 4	2	4	26	70	Hòa tấu 3
53	PIA2015	Hòa thanh trên đàn 1	2	4	26	70	Không

Số TT	Mã số	Môn học	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Học phần tiên quyết
				<i>Giảng lý thuyết</i>	<i>Hướng dẫn học tập</i>	<i>Tự học/tự nghiên cứu...</i>	
1	2	3	4	5	6	7	8
54	PIA2016	Hòa thanh trên đàn 2	2	4	26	70	Hòa thanh trên đàn 1
IV.2		<i>Các môn tự chọn</i>	5/9				
55	PIA2018	Kỹ năng nghe	2	26	8	66	Không
56	MUS2014	Thực tế sáng tác	2				Không
57	PIA2017	Phương pháp dạy học Piano	2	10	14	66	Không
58	PIA2027	Chuyên đề	3	30	21	99	Không
V	M5	<i>Khối kiến thức thực tế, thực tập nghề nghiệp</i>	6				
59	PIA2028	Thực tập nghề nghiệp 1	3	6	39	105	Không
60	PIA2029	Thực tập nghề nghiệp 2	3	6	39	105	Thực tập nghề nghiệp 1
VI	M6	Khối kiến thức cuối khóa	14				
61	PIA2022	Chương trình biểu diễn nghệ thuật	14				Các học phần theo quy định
Tổng cộng			132				